

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thúy Hằng
2. Ông Nguyễn Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Ngô Anh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ô1/178, khu phố TH, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp BV, xã PT, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Phan Văn C chung sống với nhau vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào năm 2006, nữ trang ngày cưới hiện không còn nên chị không yêu cầu giải quyết. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của chị đến khi ly thân.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau nên thường gây gổ, sau khi ly thân anh chị không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ do không còn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 03 người gồm Phan Hồng N, sinh ngày 15-3-1994; Phan Hồng G, sinh ngày 04-9-1997 và Phan Hồng T, sinh ngày 11-12-2005. Hiện 02 cháu N và G đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn C: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng anh C không đến, tuy nhiên sau đó có gửi đến Tòa án đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến như sau: Về hôn nhân đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Về con chung: Hiện 02 cháu N và G đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, anh đồng ý giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C. Về con chung: Có 03 người gồm Phan Hồng N, sinh ngày 15-3-1994; Phan Hồng G, sinh ngày 04-9-1997 và Phan Hồng T, sinh ngày 11-12-2005, hiện 02 cháu N và G đã thành niên, không yêu cầu nên không giải quyết, giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L và anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn xin vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh C chung sống với nhau vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT vào năm 2006. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị L có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L: Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân do tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên gây gổ và sống ly thân từ năm 2015 đến nay mà không bàn việc đoàn tụ do anh chị nhận thấy không còn tình cảm với nhau, nhiều lần tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh C không đến mà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung gồm Phan Hồng N, sinh ngày 15-3-1994; Phan Hồng G, sinh ngày 04-9-1997 và Phan Hồng T, sinh ngày 11-12-2005, hiện 02 cháu N và G đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi cháu T của chị L: Từ khi chị L và anh C ly thân, cháu T do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, qua làm việc cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị L, anh C cũng đồng ý giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L đối với anh Phan Văn C. Chị L được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Anh chị có 03 người con chung gồm Phan Hồng N, sinh ngày 15-3-1994; Phan Hồng G, sinh ngày 04-9-1997 và Phan Hồng T, sinh ngày

11-12-2005. Hiện 02 cháu N và G đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

Giao chị L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Hồng T, sinh ngày 11-12-2005. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0024394 ngày 02-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã PT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên